TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/DS-ST
Ngày 28/9/2021
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Liên và ông Nguyễn Văn Đô.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 549/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2021/QĐST-DS ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Trụ sở: Tòa nhà C, số D, đường P, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đ (văn bản ủy quyền số 471M/2020/QĐ-LienVietPostBank.ĐNo ngày 22/7/2020 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đ) – có mặt.

Địa chỉ: Đường C, phường N, Thành phố G, tỉnh Đắk Nông

2.Bị đơn: Ông Tô Văn D, sinh ngày 27/01/1960 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bà Trần Thị B (đã chết).

2.1.Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B:

2.1.1. Ông Tô Văn D (chồng). Có mặt.

2.1.2. Anh Tô Hiến H, sinh năm 1991 (con ruột). Vắng mặt.

2.1.3. Chị Tô Thị H1, sinh năm 1994 (Con ruột). Vắng mặt.

2.1.4. Chị Tô Thị H2, sinh năm 1991 (là người tâm thần, theo Quyết định trợ cấp xã hội của UBND huyện Đ số 510/QDD- ngày 12/6/2012).

Người đại diện hợp pháp cho chị Hải là ông Tô Văn D (Bố đẻ). Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn A người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/03/2019, ông D và bà B ký vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 67020191234, với số tiền gốc 140.000.000 đồng (Bằng chữ: *một trăm bốn mươi triệu đồng*); thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 27/03/2019 đến ngày 27/03/202), mục đích vay vốn chăm sóc cà phê và tiêu; lãi suất suất thỏa thuận là 12,6%/năm, lãi suất cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay thả nổi và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ trả nợ gốc 1 lần khi đến hạn, kỳ trả lãi theo kỳ trả gốc.

Để bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đ, ông D và bà B đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của mình tại Hợp đồng thế chấp số 767/2016/HĐTC/CND ngày 18/5/2016 đã được chứng thực tại UBND xã N ngày 25/5/2016 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 25/5/2016 .

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 933508, vào sổ cấp GCN số CH 00054 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 06/4/2016 đứng tên ông D và bà B tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 45 tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 5.708,8 m2.

Qúa trình thực hiện hợp đồng ông D và bà B trả được một phần gốc và lãi là 18.038.012 đồng (Trong đó trả gốc 18.030.060 đồng, trả lãi là 7.952 đồng). Do bà Trần Thị B (đã chết) Ngân hàng đã yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B theo hàng thừa kế thứ nhất để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà B theo quy định của BLDS, cụ thể:

Tính đến ngày xét xử thì ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng cộng cả gốc và lãi là 176.782.131 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*), trong đó tiền gốc là 121.969.940 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*), tiền lãi trong hạn là 17.645.473 đồng, lãi quá hạn 37.166.718 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 28/9/2021.

Kể từ ngày 29/9/2021, ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị

H2 là ông Tô Văn D tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 767/2016/HĐTC/CND ngày 18/5/2016 được chứng thực tại UBND xã N và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết mọi khoản nợ thì ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Tô Văn D trình bày: Lời trình bày trên của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là đúng, nay do điều kiện khó khăn, bà B đã chết, tài sản không bán được, cà phê thu không đủ trả nợ. Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện ông D và các con kế thừa quyền và nghĩa vụ bà B đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần.

Trường hợp không trả được thì đồng ý để cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B: Gồm ông D và các con bà B là anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D: Tòa án đã yêu cầu tống đạt các thủ tục tố tụng cho con ông D. Tuy nhiên, hiện nay các con ông D đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, do dịch Co Vid không về được nên ông có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B gồm anh H, chị H1 chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

-Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157, Điều 170, Điều 173, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông Tô Văn D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện

hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng cộng số tiền cả gốc và lãi 176.782.131 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*), trong đó tiền gốc là 121.969.940 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*), tiền lãi trong hạn là 17.645.473 đồng, lãi quá hạn 37.166.718 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 28/9/2021.

Kể từ ngày 29/9/2021, ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B phải tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 767/2016/HĐTC/CND ngày 18/5/2016, được chứng thực tại UBND xã N và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 933508, vào sổ cấp GCN số CH 00054 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/4/2016 đứng tên ông D và bà B tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 45 tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 5.708,8 m^2

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B (nếu tài sản của bà B còn) bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

[1.1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải trả số tiền gốc là

121.969.940 đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định trong hợp đồng tín dụng số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019. Hiện nay, ông D và người kế thừa của bà B có đăng ký hộ khẩu tại xã N, huyện Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định khoản 3 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Ông D chấp hành tốt. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B gồm anh H, chị H1 chưa chấp hành tốt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án đã yêu cầu ông D có trách nhiệm giao các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, do dịch bệnh Co Vid không về được, ý kiến là yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Vì vậy, để đảm bảo thủ tục Tòa án đã lập các biên bản về việc vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 170, Điều 173, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở hợp lệ các văn bản tố tụng Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019 khoản vay trên ông D và bà B đã để quá hạn gốc và lãi nên toàn bộ khoản vay trên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/3/2020, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng ông D và bà B chỉ trả được một phần gốc và lãi là 18.038.012 đồng (Trong đó trả gốc 18.030.060 đồng, trả lãi là 7.952 đồng). Phần còn lại không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù, điều kiện chung hiện nay người dân rất khó khăn, giá tiêu xuống thấp, một số tiêu bị chết, cà phê mất mùa nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, không vì thế mà không trả nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Tính đến ngày xét xử ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 121.969.940 đồng và tiền lãi của hợp đồng tính đến ngày 28/9/2021, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận thì ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B còn nợ tiền lãi tiền lãi trong hạn là 17.645.473 đồng, lãi quá hạn 37.166.718 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 28/9/2021. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký ông D và bà B đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất thế chấp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp số 767/2016/HĐTC/CND ngày 18/5/2016, được chứng thực tại UBND xã N và đăng ký

thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 933508, vào sổ cấp GCN số CH 00054 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/4/2016 đứng tên ông D và bà B tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 45 tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 5.708,8 m^2

Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích ông D và bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp đã thế chấp, phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[2.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D không trả nợ nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông Tô Văn D và bà B để lại (nếu có), tài sản của bà B do người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, Chị Tô Thị H1, chị Hải và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[2.5] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 29/9/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, Chị Tô Thị H1, chị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm

ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Hải và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc phải nộp và hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 176.782.131 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*) x 5% = 8.839.106 đồng. Số tiền bị đơn phải chịu là 8.839.106 đồng (Làm tròn 8.839.000 đồng) (*Tám triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Chia theo phần, ông D phải chịu 4.419.500 đồng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B phải chịu là 4.419.500 đồng.

Tuy nhiên, ông D đã trên 60 tuổi, chị H2 là người khuyết tật tâm thần theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Người khuyết tật nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp ông D, chị H2 được miễn nộp toàn bộ án phí DSST, cụ thể:

Ông Tô Văn D được miễn nộp số tiền án phí DSST phải chịu là 4.419.500 đồng.

*Đối với phần án phí người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông Tô Văn D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải chịu là 4.419.500 đồng : 04 = 1.104.875 đồng, mỗi người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B phải chịu án phí DSST là 1.104.875 đồng. Trong đó ông Tô Văn D và chị Tô Thị H2 là được miễn toàn bộ án phí với tổng số tiền là 2.209.750 đồng (*Hai triệu hai trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng)*. Anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1 mỗi người phải nộp là 1.104.875 đồng án phí DSST tương đương với phần mình kế thừa quyền và nghĩa vụ.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157, Điều 170, Điều 173, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

1.1. Buộc ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông Tô Văn D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 176.782.131 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*), trong đó tiền gốc là 121.969.940 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín*

nghìn, chín trăm bốn mươi đồng), tiền lãi trong hạn là 17.645.473 đồng, lãi quá hạn 37.166.718 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 28/9/2021.

Kể từ ngày 29/9/2021, ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, Chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký số HDTD67020191234 ngày 27/3/2019, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 767/2016/HĐTC/CND ngày 18/5/2016, được chứng thực tại UBND xã N và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 933508, vào sổ cấp GCN số CH 00054 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/4/2016 đứng tên ông D và bà B tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 45 tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 5.708,8 m^2

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B (*nếu tài sản bà B còn*) thì ông D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B bao gồm ông Tô Văn D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Buộc ông Tô Văn D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị B bao gồm ông Tô Văn D, anh Tô Hiến H, chị Tô Thị H1, chị Tô Thị H2 và người đại diện hợp pháp cho chị Tô Thị H2 là ông Tô Văn D phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Tô Văn D được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí DSST là 4.419.500 đồng (*Bốn triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm đồng*).

*Người kế thừa quyền nghĩa vụ bà Trần Thị B gồm: Ông Tô Văn D, chị Tô Thị H2, Tô Hiến H và chị Tô Thị H1 phải chịu là 4.419.500 đồng án phí DSST, chia theo phần, mỗi người phải nộp là .104.875 đồng án phí DSST.

Tuy nhiên, ông Tô Văn D và chị Tô Thị H2 được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí DSST theo phần với tổng số tiền là 2.209.750 đồng (*Hai triệu hai trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng)*.

Anh Tô Hiến H và chị Tô Thị H1 mỗi người phải nộp số tiền 1.104.875 đồng (*Một triệu một trăm linh bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 3.690.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000 2036 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà